

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Phụng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Khuyển

Ông Nguyễn Duy Khải

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thùy Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Phương T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng Đ, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phan Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Hoàng Đ, sinh năm 1996, địa chỉ thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước tự nguyện tìm hiểu từ năm 2015. Ngày 02/8/2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Sau khi kết hôn, vợ chồng đi làm công nhân công ty và chung sống cùng bố mẹ tại nhà trọ ở Bình Dương. Thời gian đầu, đời sống hôn nhân hòa hợp. Vợ chồng có hai con chung gồm Phan Thị Bảo N, sinh ngày 28/02/2017, Phan Thị Bảo N1, sinh ngày 06/01/2020. Từ năm 2019, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột nên bà Đ bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã P, huyện P sinh sống.

Do thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoàng Đ.

Về nuôi dưỡng con chung: Từ khi ly thân cho đến nay, các con chung gồm Phan Thị Bảo N, sinh ngày 28/02/2017; Phan Thị Bảo N1, sinh ngày 06/01/2020 do ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Đ không thăm nom, cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn khởi kiện, ông Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ có quan điểm, nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Thị Bảo N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Ông đồng ý với nguyện vọng của bà Đ về việc giao cháu Phan Thị Bảo N1 cho bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Bảo N1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Phan Phương T về việc đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân và về con chung. Trước yêu cầu khởi kiện của ông T, bà đồng ý ly hôn.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Thị Bảo N1, sinh ngày 06/01/2020 và đồng ý để ông T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Thị Bảo N, sinh ngày 28/02/2017, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phan Phương T, bà Nguyễn Thị Hoàng Đ đề nghị giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ nhận thấy trong quá trình chung sống giữa ông T và bà Đ xảy ra mâu thuẫn về quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 56 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

Về con chung: Ông T và bà Đ thống nhất chung quan điểm giao cháu Phan Thị Bảo N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phan Thị Bảo N1 cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

Ông Phan Phương T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoàng Đ. Bị đơn thường trú tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng căn cứ các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[a] Xét yêu cầu ly hôn:

Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà Đ được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2016/TLKH-BS ngày 02/8/2016, là hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân vợ chồng đã kéo dài từ năm 2019 cho đến nay và đều yêu cầu giải quyết ly hôn. Vì những mâu thuẫn, căng thẳng trong thời kỳ hôn nhân nên cả hai không muốn gặp mặt, hòa giải và có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải vụ án. Như vậy có căn cứ xác hôn nhân giữa ông T, bà Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thời gian ly thân kéo dài mà các bên không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên mục đích chung sống hạnh phúc của hôn nhân không còn, đời sống chung không thể tiếp tục duy trì. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Phan Phương T.

[b] Về con chung: Quan điểm của ông T, bà Đ về việc nuôi dưỡng con chung là thống nhất giao cháu Phan Thị Bảo N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phan Thị Bảo N1 cho bà Nguyễn Thị Hoàng Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Phan Thị Bảo N và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, môi trường chăm sóc giáo dục của các bên. Các bên không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thống nhất của các bên đương sự về việc nuôi dưỡng con chung.

[c] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Phan Phương T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Phương T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Phương T ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoàng Đ.

[2] Về nuôi dưỡng con chung: Giao cháu Phan Thị Bảo N, sinh ngày 28/02/2017 cho ông Phan Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Phan Thị Bảo N1, sinh ngày 06/01/2020 cho bà Nguyễn Thị Hoàng Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Phương T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011818 ngày 23/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng. Ông T đã hoàn thành nghĩa vụ chịu án phí.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện PR;
- THADS huyện PR;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Riềng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phụng

